

cốc cốc VOCABULARY (TỪ VỰNG) @8.pdf @9.pdf @10.pdf

tienganh123.com/unit-11-at-the-bus-stop-tieng-anh-lop-1-global-success/26124-tu-vung-unit-11-in-the...

Xem toàn bộ từ vựng



bus /bʌs/  

xe buýt

She's waiting for a bus.  

Cô ấy đang chờ xe buýt.



run /rʌn/  

chạy

She can run fast.  

Bạn ấy có thể chạy nhanh.

79°F Mostly cloudy Search  ENG US 10:31 AM 8/3/2023

cốc cốc VOCABULARY (TỪ VỰNG) @8.pdf @9.pdf @10.pdf

tienganh123.com/unit-11-at-the-bus-stop-tieng-anh-lop-1-global-success/26124-tu-vung-unit-11-in-the...



sun /sʌn/  

mặt trời

The sun is shining.  

Mặt trời đang chiếu sáng.



truck /trʌk/  

xe tải

He's in the truck.  

Chú ấy đang trên xe tải.

79°F Mostly cloudy Search  ENG US 10:31 AM 8/3/2023

